TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nghi

2. Ông Nguyễn Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên toà*:* Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn N, sinh ngày 20/6/1985, Căn cước số 0370850018xx cấp ngày 13/6/2025 của Bộ C; địa chỉ cư trú: xóm B T, xã P, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Kiều Thị H, sinh ngày 12/7/1993, Căn cước công dân số 0371930029xx; ĐKHKTT: xóm B T, xã P, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú: xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Anh N có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đoàn Văn N trình bày: Anh và chị Kiều Thị H đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh tại xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung

sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt, bất đồng về kinh tế trong gia đình, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, gia đình hai bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Từ năm 2017, vợ chồng anh bắt đầu sống ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung, con riêng:

+ Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 12/6/2013, cháu Đoàn Thiện T, sinh ngày 18/3/2015 và cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu B và cháu T. Còn chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N1.

+ Về con riêng: vợ chồng không có con riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Vợ chồng không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và công nợ riêng: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Kiều Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B T, xã P, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H nhưng chị H đã không hợp tác với Tòa án, không có mặt tại Tòa án để làm việc. Ngày 03/4/2026, Toà án đã mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh N và chị H nhưng chị H đã vắng mặt và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa do vậy Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không chấp hành và không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Văn N ly hôn chị Kiều Thị H.

- Về con chung: Giao cho anh Đoàn Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 12/6/2013, cháu Đoàn Thiện T, sinh ngày 18/3/2015. Giao cho chị Kiều Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh N và chị H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung và công nợ: Anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Án phí: Anh Đoàn Văn N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Kiều Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B T, xã P, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Về sự vắng mặt bị đơn là chị Kiều Thị H, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn N và chị Kiều Thị H đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh N tại xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và làm ăn, kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh N, chị H có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tạo cơ hội cho anh chị về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H đã vắng mặt tại phiên họp trên. Do hai bên không tìm được tiếng nói chung và cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên việc hòa giải tại Tòa án không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh N, chị H không còn sống chung, chị H đã đưa con chung là cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018 về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình để làm ăn, sinh sống.

Theo Biên bản làm việc ngày 11/3/2026 tại gia đình bà Trần Thị N2, sinh năm 1969 là mẹ đẻ của chị Kiều Thị H đã xác nhận: chị H và anh N trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, xích mích do chị H biết việc anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ngoài ra do kinh tế trong gia đình anh N, chị H khó khăn nên mâu thuẫn cãi chửi nhau nặng nề. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh N, chị H nhưng không có kết quả. Chị H hiện nay mặc dù đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B T, xã P, tỉnh Ninh Bình nhưng thực tế chị H đã về nhà bà tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình để sinh sống từ năm 2020 đến nay. Chị H khi biết anh N có yêu cầu ly hôn đã trao đổi lại với bà về việc chị bận đi làm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Ninh Bình thể hiện: Anh N và chị H đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã không nắm được nguyên nhân dẫn đến việc giữa phát sinh mâu thuẫn giữa anh N và chị H vì từ trước đến nay anh chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Nay anh N, chị H giải quyết ly hôn tại Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: anh N và chị H có 03 con chung là cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 12/6/2013, cháu Đoàn Thiện T, sinh ngày 18/3/2015 và cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018. Do các con chung đều chưa thành niên nên đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho các cháu. Về thu nhập do anh Đoàn Văn N và chị Kiều Thị H đều là lao động tự do nên địa phương không nắm được mức thu nhập cụ thể của từng người.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên anh N, chị H đã sống ly thân được một thời gian dài, không ai còn quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con:

[3.1] Về con chung: Anh N và chị H có 03 con chung là cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 12/6/2013, cháu Đoàn Thiện T, sinh ngày 18/3/2015 và cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018. Từ khi chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống thì cháu Đoàn Gia B và cháu Đoàn Thiện T ở với anh N còn cháu Đoàn Khánh N1 ở với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N có quan điểm anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu B và cháu T. Còn chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N1. Anh N đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng để làm căn cứ xác định khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung là bảng thanh toán tiền lương của Công ty TNHH MTV H1 từ tháng 09/2025 đến 02/2026 với mức thu nhập bình quân từ 29.000.000 đồng đến 34.600.000 đồng/tháng.

Tại Biên bản làm việc ngày 11/3/2026 tại gia đình bà Trần Thị N2 xác nhận từ khi chị H đưa cháu N1 về chung sống với bố mẹ thì gia đình đã tạo điều kiện về chỗ ở tốt nhất cho hai mẹ con, cháu N1 vẫn đảm bảo được đi học, chăm sóc tốt về mọi mặt, cháu vẫn thường xuyên sang chơi cùng bố, các anh và ông bà nội.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 03 tháng 3 năm 2026 thì nguyện vọng của cháu Đoàn Gia B, cháu Đoàn Thiện T được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Còn nguyện vọng của cháu Đoàn Khánh N1 được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên sau khi xem xét khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục của anh N, chị H đối với con chung và xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu Đoàn Gia B, cháu Đoàn Thiện T và cháu Đoàn Khánh N1, Hội đồng xét xử xét thấy để không làm ảnh hưởng sự phát triển lành mạnh và không làm thay đổi môi trường sống của con chung chấp nhận yêu cầu của anh N nên giao cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Gia B, cháu Đoàn Thiện T, giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đoàn Khánh N1 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.2] Về con riêng: Ngoài các cháu Đoàn Gia B, cháu Đoàn Thiện T và cháu Đoàn Khánh N1, anh N và chị H không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh N có quan điểm khi ly hôn nếu Tòa án giao cho anh N được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu B và cháu T và giao cho chị H được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N1 thì vợ chồng không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cho nhau. Mặc dù Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng anh N vẫn giữ nguyên quan điểm như trên. Xét anh N có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc anh N không yêu cầu vợ chồng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Đoàn Văn N và không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh N và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đoàn Văn Nghĩa L người khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn N về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Văn N được ly hôn chị Kiều Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Đoàn Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 12/6/2013, cháu

Đoàn Thiện T, sinh ngày 18/3/2015. Giao cho chị Kiều Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Khánh N1, sinh ngày 20/6/2018, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Văn N, chị Kiều Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Văn N và chị Kiều Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

* Về con riêng: Anh Đoàn Văn N và chị Kiều Thị H không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: anh Đoàn Văn N, chị Kiều Thị H tự thỏa thuận và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003564 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2026). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu toà và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu